TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 21 – 8 - 2017
V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐĂKLĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Lam.
2. Bà Nguyễn Thị Chinh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Oanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Đăng Khoa – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2017/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2017 về "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2017/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nông Văn L. Sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn S, xã E, Thị xã B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bị đơn: Chị Hứa Thị H. Sinh năm 1995.
Địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 25/4/2017, tại biên bản lấy lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nông Văn L trình bày: Anh và chị Hứa Thị H kết hôn vào ngày 22/9/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, Thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến tháng 12/2016 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Anh và chị H đã sống ly thân từ tháng 02/2017 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H có một con chung là Nông Nhật T (Sinh ngày 14/9/2015). Hiện nay cháu T đang sống cùng chị H. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng

giao cháu T cho chị H chăm nom, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Quá trình giải quyết vụ án chị H yêu cầu nếu ly hôn thì anh phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, tuy nhiên anh chỉ chấp nhận đóng góp cấp dưỡng mỗi tháng 400.000đ.

Về phân chia tài sản chung : Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 25/5/2017 chị Hứa Thị H trình bày: Chị và anh L kết hôn ngày 22/9/2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã E, Thị xã B. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc cho đến tháng 02/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L ham mê cờ bạc, không quan tâm gia đình. Tuy vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đến mức phải ly hôn. Nay anh L yêu cầu ly hôn thì chị không đồng ý.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là Nông Nhật T (Sinh ngày 14/9/2015). Hiện nay cháu T đang sống cùng chị. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được chăm nom, nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh L đóng góp trợ cấp nuôi con cho chị 1.000.000đ/tháng.

Về phân chia tài sản chung : Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án sau khi có mặt tại Tòa án làm bản tự khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 thì chị H đã không không tiếp tục có mặt tại Tòa án để tham gia hòa giải phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 2, mặc dù đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ.

Tại phần tranh luận, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa các đương sự tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn và đề nghị buộc anh L đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho chị H theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy: Giữa anh Nông Văn L và chị Hứa Thị H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên anh L đã khởi kiện xin ly hôn chị H và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung tại Tòa án. Như vậy, tranh chấp giữa anh L và chị H là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS

[3] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị H là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án cả hai đều thừa nhận giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và thực tế hiện nay hai người đã không còn chung sống với nhau. Chị H cho rằng tuy vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh L. Tuy nhiên, qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị H thì thấy rằng giữa anh L và chị H có phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2017 đến nay. Các lần làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không đảm bảo cuộc sống hạnh phúc. Vì vậy HĐXX xét thấy việc anh L yêu cầu ly hôn là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận cho ly hôn.

- Về con chung: Anh L và chị H có 01 con chung là Nông Nhật T (Sinh ngày 14/9/2015). Hiện nay cháu T đang sống cùng chị H. Tại phiên tòa hôm nay anh L đồng ý giao cháu T cho chị H chăm nom, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về vấn đề đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Quá trình hòa giải chị H có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và yêu cầu anh L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 1.000.000đ. Xét thấy anh L và chị H đều đồng ý giao cháu T cho chị H có nghĩa vụ và quyền chăm sóc nuôi dưỡng, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H về yêu cầu nuôi con. Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Cháu Nông Nhật T là con chung của anh L và chị H, sau khi ly hôn giao cháu T cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng nên anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Tại phiên tòa anh L chỉ đồng ý đóng góp cấp dưỡng mỗi tháng 400.000đ. Do anh L không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên HĐXX lấy mức lương tối thiểu hiện hành là 1.300.000đ/tháng để làm căn cứ tính mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con và buộc anh L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho chị H đối với cháu T mỗi tháng bằng ½ mức lương tối thiểu là 650.000đ, kể từ tháng 9/2017 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

- Về phân chia tài sản: Cả anh Nông Văn L và chị Hứa Thị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn L được ly hôn chị Hứa Thị H.

2. Về con chung: Giao cho chị Hứa Thị H được quyền và có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nông Nhật T (Sinh ngày 14/9/2015) đến tuổi trưởng thành. Anh L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng 650.000đ, kể từ tháng 9/2017 cho

đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không được ai cản trở.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với khoản tiền phải thi hành khi có đơn yêu cầu thi hành án.

3. Về án phí: Anh Nông Văn L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2014/0043440 ngày 16/5/2017. Anh L còn tiếp tục phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Bùi Ngọc San

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh ĐăkLăk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Năng;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Ea Siên, TX Buôn Hồ.*
- *Lưu hồ sơ, Văn phòng.*